

Dự thảo (tiếp thu lần 3) ngày 01.10.2024

THÔNG TƯ

**QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC, SỬ
DỤNG, BẢO TRÌ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ**

Số /20.../TT-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

THÔNG TƯ**Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ**

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng 2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam;

Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định chi tiết một số nội dung về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

CHƯƠNG I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết một số nội dung về trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối đối với đường quốc lộ đang khai thác; thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác; quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ và hoạt động của công trình kiểm soát tải trọng xe.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến chấp thuận thiết kế và cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối đối với đường quốc lộ đang khai thác; cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác; quản

lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ và hoạt động của công trình kiểm soát tải trọng xe.

CHƯƠNG II

CHẤP THUẬN THIẾT KẾ VÀ CẤP PHÉP THI CÔNG NÚT GIAO ĐẦU NỐI VÀO QUỐC LỘ ĐANG KHAI THÁC; CẤP GIẤY PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ ĐANG KHAI THÁC

Điều 3. Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối với đường quốc lộ đang khai thác

1. Chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác theo quy định tại Mẫu số 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hồ sơ khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công công trình nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác, bao gồm: thuyết minh thiết kế, bản vẽ thiết kế nút giao đầu nối và bản vẽ hoàn trả kết cấu hạ tầng đường quốc lộ, bản vẽ tổ chức giao thông tại nút giao đầu nối, hồ sơ khảo sát địa hình, địa chất;

c) Văn bản giao làm chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác.

2. Thẩm quyền chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác như sau:

a) Đối với quốc lộ quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Đường bộ, Cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường cao tốc, đường quốc lộ được quy hoạch thành cao tốc;

b) Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải thực hiện đối với các trường hợp còn lại thuộc phạm vi quản lý.

3. *Trình tự* giải quyết thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ.

b) Đối với trường hợp nộp gián tiếp (qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác), trong phạm vi 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ,

nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối. Trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn **18** tháng kể từ ngày có văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối mà chủ đầu tư chưa hoàn thành việc cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ đang khai thác thì phải lập hồ sơ đề nghị *chấp thuận thiết kế lại*.

5. Đối với dự án quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ, Điều 77 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ thì không phải thực hiện trình tự, thủ tục chấp thuận nút giao đầu nối vào quốc lộ đang khai thác quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này.

Điều 4. Cấp phép thi công nút giao đầu nối tạm vào đường quốc lộ đang khai thác

1. Chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác theo quy định tại *Mẫu số 2 Phụ lục I* ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Thiết kế bản vẽ thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác đã được phê duyệt; thuyết minh và bản vẽ: biện pháp tổ chức thi công, biện pháp bảo đảm giao thông đường bộ khi thi công xây dựng nút giao đầu nối.

2. Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác thuộc phạm vi quản lý.

3. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ.

b) Đối với trường hợp nộp gián tiếp (qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác), trong phạm vi **02** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

c) Trong thời hạn **07** ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác theo quy định tại *Mẫu số 3 Phụ lục I* ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công đầu nối, đầu nối tạm vào quốc lộ đang khai thác như sau:

a) Đối với nút giao đầu nối thuộc dự án đầu tư công, hiệu lực của giấy phép thi công bằng tiến độ thực hiện dự án;

b) Đối với các trường hợp khác quy định tại điểm a khoản này, thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công đầu nối tạm không quá 24 tháng kể từ ngày được cấp phép thi công nút giao đầu nối.

5. Đối với dự án quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ, Điều 77 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ thì không phải cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này.

Điều 5. Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác

1. Chủ đầu tư dự án xây dựng công trình trên đường bộ đang khai thác gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác theo quy định tại *Mẫu số 1 Phụ lục II* ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hồ sơ tài liệu phục vụ cấp giấy phép quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Hồ sơ tài liệu phục vụ cấp giấy phép bao gồm:

a) Bản vẽ thiết kế thi công có các thông tin về vị trí và lý trình công trình đường bộ tại nơi xây dựng công trình; bản vẽ thể hiện diện tích, kích thước công trình trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; bản vẽ thể hiện mặt đứng và khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ, khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình đề nghị cấp phép đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ; bộ phận công trình đường bộ phải đào, khoan khi xây dựng công trình đề nghị cấp phép;

b) Đối với công trình đề nghị cấp giấy phép thi công trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ, ngoài hồ sơ quy định tại điểm a khoản này phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng, phương ngang từ mép công trình đề nghị cấp phép đến bề mặt và mép ngoài dải phân cách giữa;

c) Công trình đề nghị cấp phép lắp đặt vào cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ có kết cấu phức tạp khác ngoài hồ sơ quy định tại điểm a khoản này phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và kết quả tính toán khả năng chịu lực của công trình đường bộ trong trường hợp được lắp đặt công trình đề nghị cấp phép;

d) Bản vẽ thiết kế hoàn trả công trình đường bộ; bản vẽ và thuyết minh: biện pháp tổ chức thi công, biện pháp bảo đảm giao thông trong thời gian thi công trên đường bộ đang khai thác.

3. Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác thuộc phạm vi quản lý.

4. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ.

b) Đối với trường hợp nộp gián tiếp (qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác), trong phạm vi **02** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép thi công theo quy định tại *Mẫu số 2 Phụ lục II* ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày cấp giấy phép mà chưa hoàn thành thi công công trình trên đường đang khai thác thì phải lập hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thi công.

Điều 6. Cung cấp thông tin và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thi công trên đường bộ đang khai thác

1. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác có trách nhiệm :

a) Trước khi thi công ít nhất 05 ngày, phải lắp đặt bảng công khai tại nơi thi công các thông tin tên chủ đầu tư, nhà thầu thi công, đơn vị giám sát, thời gian bắt đầu thi công, thời hạn kết thúc thi công;

b) *Thông báo* các thông tin quy định tại điểm a khoản này và biện pháp tổ chức giao thông cho: *cơ quan cấp giấy phép, cơ quan Công an làm nhiệm vụ chỉ huy điều hành giao thông trên tuyến, người quản lý, sử dụng đường bộ và đăng trên ít nhất 01 phương tiện truyền thông;*

c) Điều chỉnh, bổ sung các biện pháp bảo đảm giao thông khi có yêu cầu của *cơ quan cấp giấy phép, cơ quan Công an làm nhiệm vụ chỉ huy điều hành giao thông trên tuyến, người quản lý, sử dụng đường bộ.*

trong thời gian thi công trên đường bộ đang khai thác.

2. Cơ quan cấp giấy phép, người quản lý sử dụng đường bộ:

a) Kiểm tra tổ chức, cá nhân thực hiện khoản 1 Điều này;

b) Quyết định tạm đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác đối với trường hợp thi công không bảo đảm an toàn giao thông, vi phạm giấy phép thi công;

c) Phối hợp với cơ quan Công an chỉ huy điều hành giao thông trên tuyến trong việc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC, BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

MỤC 1.

HỒ SƠ BẢO TRÌ, QUY TRÌNH BẢO TRÌ, KẾ HOẠCH BẢO TRÌ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 7. Hồ sơ bảo trì, quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Hồ sơ bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ bao gồm các quy định tại 8 Điều 34 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và *tiêu chí giám sát*, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo chất lượng thực hiện và việc áp dụng hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ quy định tại *khoản 1 Điều 12 Thông tư này*.

2. Việc lập quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ khi đầu tư xây dựng được thực hiện tại bước thiết kế kỹ thuật hoặc bước thiết kế bản vẽ thi công và được căn cứ vào các quy định sau:

a) Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình; quy trình bảo trì của công trình tương tự (nếu có);

b) Hồ sơ khảo sát, thiết kế (kể cả hồ sơ thiết kế điều chỉnh, nếu có), chỉ dẫn kỹ thuật thi công xây dựng công trình;

c) Chỉ dẫn của nhà sản xuất, cung cấp và lắp đặt thiết bị vào công trình;

3. Trường hợp lập điều chỉnh, bổ sung quy trình bảo trì công trình kết cấu hạ tầng đường bộ đã đưa vào khai thác, *căn cứ lập* bao gồm các quy định sau:

a) Quy trình bảo trì đang áp dụng;

b) Quy mô và tình trạng kỹ thuật công trình đang khai thác;

c) Kết quả thực hiện: kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, quan trắc, kiểm định chất lượng, đánh giá an toàn chịu lực và vận hành khai thác, sử dụng công trình;

d) Các thông tin, dữ liệu về kết quả đếm *xe, cân tải trọng xe* và tình hình giao thông trên tuyến, các dữ liệu địa chất, thủy văn, địa hình ảnh hưởng trực tiếp đến công trình kết cấu hạ tầng đường bộ.

4. *Trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung quy trình bảo trì trong thời gian khai thác, sử dụng, Cục Đường bộ Việt Nam tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì các đường quốc lộ được giao quản lý; chủ sở hữu, hoặc người quản lý, sử*

dụng đường bộ tổ chức lập và phê duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 8. Sử dụng tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì, quy trình bảo trì của công trình khác tương tự để thực hiện bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Trường hợp có tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì công trình phù hợp do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, thì được áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật để bảo trì công trình mà không cần lập quy trình riêng, nhưng phải bổ sung các quy định về bảo trì đối với các hạng mục, công việc bảo trì chưa có trong tiêu chuẩn bảo trì.

2. Trường hợp sử dụng quy trình bảo trì của công trình, bộ phận, hạng mục tương tự về quy mô, tính chất kỹ thuật, tình trạng chất lượng phù hợp, thì người quản lý, sử dụng đường bộ có thể áp dụng quy trình đó cho công trình, bộ phận, hạng mục công trình mà không cần lập quy trình riêng, nhưng phải đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả, bảo đảm an toàn khi áp dụng quy trình bảo trì của công trình, bộ phận, hạng mục công trình tương tự trước khi quyết định áp dụng vào bảo trì công trình đường bộ được giao quản lý và thực hiện các công việc sau:

a) Bổ sung quy trình, quy định về bảo trì đối với các hạng mục, công việc bảo trì chưa có trong quy trình bảo trì của công trình tương tự;

b) Bổ sung, điều chỉnh các công việc để bảo đảm hiệu quả, an toàn, phòng, tránh các nguy cơ gây hư hỏng, mất an toàn công trình trong quản lý, khai thác, sử dụng và bảo trì công trình kết cấu hạ tầng đường bộ.

Điều 9. Kế hoạch bảo trì, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Kế hoạch bảo trì và vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ được lập và phê duyệt hàng năm theo quy định của **Mẫu số 01 Phụ lục III** ban hành kèm theo Thông tư này. Các công việc trong kế hoạch bảo trì và vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ bao gồm:

a) Bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm tra, kiểm định chất lượng, quan trắc, đánh giá an toàn đối với kết cấu hạ tầng đường bộ và các hạng mục, thiết bị quy định tại Điều 35 Luật Đường bộ;

b) Vận hành, khai thác, sử dụng bến phà, cầu phao đường bộ, hầm đường bộ, hệ thống chiếu sáng trên đường bộ;

c) Tổ chức giao thông, điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông, thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông trong quá trình khai thác, sử dụng đường bộ;

d) Quản lý, vận hành, khai thác hệ thống giao thông thông minh, trung tâm quản lý, điều hành giao thông tuyến đường cao tốc, công trình kiểm soát tải trọng xe, hệ thống thu phí, các thiết bị gắn vào kết cấu hạ tầng đường bộ và phương tiện, thiết bị phục vụ quản lý, khai thác công trình đường bộ;

đ) Thu thập, vận hành, khai thác, cập nhật các cơ sở dữ liệu đường bộ; hệ thống quản lý cầu, quản lý đường bộ, quan trắc công trình cầu;

e) Xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; quy trình bảo trì, quy trình vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ;

g) Điều chỉnh, bổ sung mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ trong thời gian khai thác, sử dụng công trình đường bộ;

h) Quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ của hợp đồng đối tác công tư bộ để đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt đối với các trường hợp: khi một bên chấm dứt hợp đồng dự án trước thời hạn theo quy định của pháp luật nhưng chưa hoàn thành thủ tục xác lập sở hữu toàn dân; Cơ quan nhà nước quyết định dừng thu phí khi đã bảo đảm phương án tài chính; nhà đầu tư không thực hiện bảo trì dẫn đến công trình mất an toàn giao thông.

2. Lập, trình và phê duyệt kế hoạch bảo trì, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương do Bộ Giao thông vận tải quản lý:

a) Cục Đường bộ Việt Nam tổ chức lập, trình Bộ Giao thông vận tải trước ngày 30 tháng 5 nhu cầu quản lý, bảo trì và vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ; công việc, danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư năm sau;

b) Bộ Giao thông vận tải phê duyệt nhu cầu quản lý, bảo trì và vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận công việc, danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư thuộc kế hoạch bảo trì năm sau trước ngày 30 tháng 6 hàng năm;

c) Căn cứ vào công việc, danh mục tại điểm b khoản này, Cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật sửa chữa công trình, dự toán các công việc cần thiết khác trước ngày 31 tháng 10 hàng năm;

Trong quá trình lập, thẩm định phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật sửa chữa công trình đường bộ, Cục Đường bộ Việt Nam được điều chỉnh phạm vi (chiều dài, lý trình đoạn đường sửa chữa), giải pháp kỹ thuật, bổ sung các hạng mục an toàn giao thông, nhưng không được vượt kinh phí ghi cho danh mục đã được chấp thuận. Trong trường hợp cần bảo đảm an toàn chịu lực các bộ phận kết cấu công trình cầu, hầm, phà thì được duyệt vượt không quá 20% kinh phí của danh mục sửa chữa kết cấu chịu lực đã chấp thuận;

d) Căn cứ nội dung duyệt tại điểm c khoản này và các công việc quản lý, bảo trì, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ cần thiết bổ sung nhưng nằm ngoài danh mục quy định tại điểm b khoản này, Cục Đường bộ Việt Nam tổng hợp và trình Bộ Giao thông vận tải kế hoạch bảo trì và vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ năm sau trước ngày 10 tháng 11 hàng năm.

đ) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền giao hoặc thông báo dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, Bộ Giao thông vận tải phê duyệt kế hoạch bảo trì và vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ năm sau.

e) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền thông báo nguồn vốn thực hiện không đủ để thực hiện toàn bộ công việc bảo trì, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ, thì các công việc được ưu tiên trong kế hoạch bảo trì, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ bao gồm: bảo dưỡng; khắc phục điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; dự án chuyển tiếp từ năm trước sang; sửa chữa nhằm bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông đường bộ, an toàn khi vận hành khai thác các bến phà, cầu phao, hầm đường bộ; khắc phục nguy cơ sập đổ công trình; vận hành bến phà, cầu phao; công việc cần thiết khác do cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch bảo trì quyết định.

g) Trường hợp cần bổ sung công việc bảo trì, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ ngoài kế hoạch đã được phê duyệt, Cục Đường bộ Việt Nam trình Bộ Giao thông vận tải chấp thuận bổ sung danh mục công việc chuẩn bị đầu tư và điều chỉnh kế hoạch để tổ chức thực hiện.

h) Việc sửa chữa đột xuất công trình đường bộ được thực hiện như sau:

Cục Đường bộ Việt Nam quyết định và tổ chức thực hiện các công việc sửa chữa đột xuất có giá trị từ 500 triệu đồng đến 05 tỷ đồng; Khu Quản lý đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ được giao trực tiếp quản lý quốc lộ quyết định và tổ chức thực hiện các công việc sửa chữa đột xuất có giá trị nhỏ hơn 500 triệu đồng. Trường hợp công việc sửa chữa đột xuất có giá trị lớn hơn 05 tỷ đồng, Cục Đường bộ Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định.

Cơ quan quyết định các công việc sửa chữa đột xuất tại điểm này chịu trách nhiệm theo thẩm quyền về việc quyết định, tổ chức thực hiện, sử dụng kinh phí, phương thức thực hiện và hoàn thiện hồ sơ theo quy định đối với trường hợp sửa chữa đột xuất; Cục Đường bộ Việt Nam rà soát, tổng hợp kết quả thực hiện hàng quý gửi Bộ Giao thông vận tải.

i) Đối với công trình xây dựng khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; đối với xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Thông tư này. Cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí, phương thức thực hiện và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

k) Cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm tổng hợp, trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt hoặc điều chỉnh kế hoạch bảo trì đối với các trường hợp quy định tại điểm h, điểm i khoản này.

3. Ủy ban nhân dân các cấp quyết định việc lập, duyệt kế hoạch bảo trì và vận hành khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm tiến độ giao, thực hiện dự toán ngân sách của địa phương và phù hợp với yêu cầu bảo trì, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ.

4. Đối với kết cấu hạ tầng đường bộ đang thực hiện theo hợp đồng đối tác công tư, nhà đầu tư căn cứ quy định của Luật Đường bộ, Nghị định XX về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ, Điều 77 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, quy định của pháp luật về xây dựng và quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này và hợp đồng dự án để lập, phê duyệt kế hoạch.

5. Việc lập kế hoạch bảo trì, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì của Doanh nghiệp thuộc Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này và quy định của pháp luật về doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Quy định về báo cáo:

a) Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ được thực hiện từng quý, 06 tháng đầu năm và báo cáo năm theo quy định tại mẫu số 2 Phụ lục III của Thông tư này.

b) Thời hạn báo cáo: báo cáo quý trước ngày 25 tháng cuối quý; báo cáo 06 tháng đầu năm trước ngày 25 tháng 6 và báo cáo năm trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

c) Thời gian chốt số liệu báo cáo quý, 6 tháng đầu năm và báo cáo năm: trước 10 ngày so với thời hạn báo cáo quy định tại điểm b khoản này.

2. Trách nhiệm báo cáo

a) Đối với quốc lộ quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Đường bộ: Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường cao tốc Việt Nam, Khu Quản lý đường bộ, đơn vị được phân cấp, ủy quyền quản lý quốc lộ thực hiện báo cáo các trường hợp sử dụng vốn ngân sách Nhà nước;

b) Sở Giao thông vận tải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với đường tỉnh, đường khác được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao quản lý, bảo trì;

c) Cơ quan quản lý đường bộ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện báo cáo đối với đường huyện, đường khác thuộc phạm vi quản lý, bảo trì của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện báo cáo đối với đường thuộc phạm vi quản lý, bảo trì của Ủy ban nhân dân cấp xã;

đ) Kết cấu hạ tầng đường bộ đang trong thời hạn hợp đồng đối tác công tư, Doanh nghiệp quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng và bảo trì báo cáo Cơ quan ký hợp đồng theo quy định của hợp đồng đối tác công tư.

3. Cơ quan nhận báo cáo:

a) Bộ Giao thông vận tải nhận báo cáo đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận báo cáo đối với trường hợp tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận báo cáo đối với trường hợp tại điểm c khoản 2 Điều này.

4. Ngoài báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm báo cáo đột xuất khi có sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến công trình đường bộ hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện các báo cáo khác theo quy định của pháp luật về kế hoạch đầu tư.

MỤC 2.

BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 11. Ghi chép kết quả thực hiện bảo dưỡng

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường bộ có trách nhiệm ghi chép kết quả bảo dưỡng ngay sau khi hoàn thành công việc bảo dưỡng. Trường hợp công việc bảo dưỡng kéo dài nhiều ngày, thì việc ghi chép kết quả bảo dưỡng được thực hiện khi hoàn thành bảo dưỡng một hoặc một số bộ phận, hạng mục công trình kết cấu hạ tầng đường bộ, thiết bị phục vụ quản lý, vận hành, khai thác và thiết bị lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường bộ. Nội dung ghi chép kết quả bảo dưỡng, bao gồm:

a) Công trình, hạng mục công trình, thiết bị được bảo dưỡng;

b) Công việc bảo dưỡng đã thực hiện;

c) Thời gian bắt đầu và kết thúc công việc bảo dưỡng;

d) Tóm tắt quá trình thực hiện công việc bảo dưỡng;

đ) Kết quả thực hiện bảo dưỡng;

e) Nhận xét về tình trạng công trình kết cấu hạ tầng, thiết bị, công nghệ sau khi bảo dưỡng và các thông tin cần thiết khác.

2. Người quản lý, sử dụng đường bộ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát nhà thầu thực hiện bảo dưỡng và việc ghi chép kết quả bảo dưỡng

Điều 12. Giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì công trình kết cấu hạ tầng đường bộ theo chất lượng thực hiện

1. Tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì theo chất lượng thực hiện đối với hoạt động bảo dưỡng thường xuyên công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện được quy định tại *Phụ lục số IV* ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Người quản lý, sử dụng đường bộ đối với công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ có trách nhiệm đưa các quy định tại khoản 1 Điều này vào hồ sơ mời thầu để thực hiện giám sát, nghiệm thu kết quả thực hiện bảo dưỡng thường xuyên công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Đối với các tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ của trung ương, Cục Đường bộ Việt Nam quyết định áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện hoặc bảo trì theo khối lượng thực tế đối với hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

Điều 13. Thời hạn sử dụng công trình

1. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình đường bộ (tuổi thọ thiết kế) là khoảng thời gian công trình được dự kiến sử dụng, đảm bảo yêu cầu về an toàn và công năng. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng, nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình.

Trường hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế công trình không quy định thời hạn dự kiến sử dụng công trình đường bộ phục vụ cho việc xác định thời hạn sửa chữa định kỳ mặt đường thì thời hạn dự kiến sử dụng được xác định theo *Phụ lục V* ban hành kèm theo Thông tư này hoặc xác định thời hạn sử dụng theo số trục xe tiêu chuẩn tích lũy trong thiết kế so với số trục xe tiêu chuẩn tích lũy trong thời gian khai thác; thời hạn sửa chữa, thay thế định kỳ thiết bị lắp đặt vào công trình, thời hạn sửa chữa định kỳ các hạng mục công trình khác theo quy định của thiết kế, quy định trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan và quy định về thời gian tính hao mòn tài sản cố định;

2. Thời hạn sử dụng thực tế của công trình (tuổi thọ thực tế) là khoảng thời gian công trình được sử dụng thực tế kể từ khi đưa vào khai thác, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và công năng. Thời hạn sử dụng thực tế của công trình đường bộ thay đổi so với thời hạn sử dụng theo thiết kế khi có các nguyên nhân: tình trạng khai thác, vận hành và sử dụng công trình đường bộ, lưu lượng, tải trọng các phương tiện tham gia giao thông tác động lên công trình, bộ phận công trình đường bộ khác với thiết kế; trong thời gian khai thác xuất hiện các nguyên nhân gây hư hỏng đột xuất; tình hình và kết quả thực hiện công việc quản lý, bảo trì công trình, hạng mục công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình, chất lượng công trình vào khai thác, sử dụng.

3. Công trình hết tuổi thọ theo thiết kế nếu tiếp tục sử dụng phải thực hiện các nội dung quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và quy định tại Thông tư này.

Điều 14. Các trường hợp phải quan trắc kết cấu hạ tầng đường bộ; tổ chức đủ điều kiện đánh giá an toàn công trình đường bộ; danh mục các công trình phải được cơ quan có thẩm quyền xem xét và thông báo ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình

1. Các trường hợp kết cấu hạ tầng đường bộ phải quan trắc trong thời gian khai thác sử dụng quy định tại *Phụ lục VI* ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Các tổ chức đủ điều kiện thực hiện đánh giá an toàn công trình đường bộ là tổ chức kiểm định đáp ứng điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Danh mục các công trình đường bộ phải được cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP xem xét và thông báo ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đường bộ quy định tại **Phụ lục VII** ban hành kèm theo Thông tư này.

MỤC 3.

XỬ LÝ ĐIỂM HAY XẢY RA TAI NẠN GIAO THÔNG, ĐIỂM TIỀM ẨN TAI NẠN GIAO THÔNG

Điều 15. Tiêu chí và hồ sơ xác định điểm hay xảy ra tai nạn giao thông đường bộ và điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ

1. Điểm hay xảy ra tai nạn giao thông đường bộ là điểm, vị trí đoạn đường trong thời gian 12 tháng xảy ra tai nạn giao thông đường bộ thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Xảy ra 02 vụ tai nạn giao thông có người chết;
- b) Xảy ra 03 vụ tai nạn trở lên, trong đó có 01 vụ có người chết;
- c) Xảy ra 04 vụ tai nạn trở lên, nhưng chỉ có người bị thương.

2. Điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ là hiện trạng công trình đường bộ, hiện trạng khu vực và tình hình tai nạn giao thông xảy ra thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Trong thời gian 12 tháng: xảy ra 05 vụ va chạm trở lên; có ít nhất 01 vụ tai nạn có 01 người chết; có ít hơn 4 vụ tai nạn giao thông nhưng chỉ có người bị thương;

b) Hiện trạng công trình đường bộ, hiện trạng tổ chức giao thông, môi trường xung quanh vị trí có yếu tố gây mất an toàn giao thông đường bộ.

3. Hồ sơ phục vụ xác định điểm hay xảy ra tai nạn và điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ bao gồm:

a) Hồ sơ các vụ tai nạn giao thông; đề nghị của Cơ quan Công an về điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ;

b) Dữ liệu thống kê hoặc các biên bản tai nạn có ghi lý trình, các vụ tai nạn, thiệt hại, kiến nghị khắc phục;

c) Bản vẽ sơ đồ khu vực, ảnh chụp khu vực hay xảy ra tai nạn giao thông.

Điều 16. Trình tự xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông đường bộ, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ

1. Cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ có trách nhiệm theo dõi, thống kê các vụ tai nạn, mức độ nghiêm trọng ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe người tham gia giao thông, thiệt hại đối với kết cấu hạ tầng và phương tiện tham gia giao thông; tình hình trật tự, an toàn giao thông đường bộ hàng năm; tiếp nhận, xử lý các thông tin của Lực lượng Công an, Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ trên tuyến; thông tin phản ánh của tổ chức, cá nhân khác về tình hình tai nạn giao thông trên đường bộ để thống kê và thực hiện xử lý theo

quy định; tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trường và đối chiếu với quy định tại Điều 16 Thông tư này để lập hồ sơ điểm hay xảy ra tai nạn giao thông đường bộ; điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ.

2. Trường hợp cần thiết, người quản lý, sử dụng đường bộ thực hiện các công việc sau phục vụ cho việc xác định điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông:

a) Kiểm tra hiện trường, đối chiếu, bổ sung các đặc trưng của hiện trường: tình hình giao thông tại nút giao thông; phương án tổ chức giao thông; kiểm tra các yếu tố kỹ thuật về tầm nhìn, bán kính đường cong bằng, bán kính đường cong đứng, độ dốc, chỉ số gồ ghề, tình trạng nhám mặt đường, độ dốc siêu cao, các yếu tố kỹ thuật khác; hành lang an toàn đường bộ; phác họa sơ đồ, chụp ảnh hiện trường; kiểm tra đánh giá, xác định lưu lượng, thành phần xe, tình trạng giao thông và người đi bộ; kiểm tra về tình hình thời tiết, khí hậu và các yếu tố môi trường xung quanh ảnh hưởng đến an toàn giao thông và các thông tin cần thiết khác;

b) Căn cứ kết quả thị sát và hồ sơ hiện trường đã thu thập được, tiến hành xây dựng bản sơ đồ mặt bằng thể hiện các đặc điểm chính của hiện trường: đoạn tuyến xảy ra tai nạn, biển báo hiệu và sơn kẻ vạch trên đường bộ, công trình an toàn giao thông, địa hình hai bên đường để phân tích, đánh giá tình hình, xác định nguyên nhân tai nạn giao thông.

c) Căn cứ kết quả thực hiện tại điểm a và b khoản này, người quản lý, sử dụng đường bộ lập đề xuất khắc phục điểm hay xảy ra tai nạn giao thông và điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ.

3. Tổ chức thực hiện xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông đường bộ:

a) Đối với điểm hay xảy ra tai nạn giao thông trên các quốc lộ quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Đường bộ nhưng chưa có trong kế hoạch bảo trì đã duyệt, Cục Đường bộ Việt Nam quyết định cho phép chuẩn bị đầu tư và tổ chức thực hiện dự án (hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật) khắc phục kịp thời để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ; sau đó cập nhật và trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều chỉnh kế hoạch bảo trì, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ.

b) Ủy ban nhân dân các cấp quyết định tổ chức thực hiện xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông đường bộ trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý.

c) Doanh nghiệp được nhà nước giao quản lý, khai thác, sử dụng đường bộ, chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng đường chuyên dùng có trách nhiệm xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông kịp thời đảm bảo đảm an toàn giao thông đường bộ.

4. Đối với điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ nằm ngoài kế hoạch bảo trì, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ đã được phê duyệt, cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ đề nghị cơ quan có thẩm quyền duyệt kế hoạch bảo trì, vận hành, khai thác đường bộ cho phép chuẩn bị dự án sửa chữa đột xuất để khắc phục điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ.

MỤC 4.

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ; TUÀN ĐƯỜNG VÀ TUÀN KIỂM ĐƯỜNG BỘ

Điều 17. Hồ sơ phục vụ quản lý, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ

Hồ sơ phục vụ quản lý, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ bao gồm:

1. Hồ sơ tiếp nhận, bàn giao, điều chỉnh, đặt tên, số liệu đường bộ theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ, Điều 77 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

2. Quy trình, vận hành, khai thác, sử dụng bến phà, cầu phao, hầm đường bộ và các công trình đường bộ khác; quy trình, tài liệu quy định, hướng dẫn sử dụng thiết bị lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường bộ và thiết bị phục vụ vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ;

3. Phương án tổ chức giao thông, kế cả phương án tổ chức giao thông được điều chỉnh, bổ sung trong thời gian khai thác, sử dụng; báo cáo thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ;

4. Hồ sơ cấm mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ;

5. Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ và hồ sơ tài liệu về quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ;

6. Hồ sơ chấp thuận và cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường bộ đang khai thác; hồ sơ chấp thuận và cấp giấy phép thi công trên đường bộ đang khai thác.

Điều 18. Quản lý, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ

Việc quản lý, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ được thực hiện theo quy định tại Điều 36, Điều 37 Luật Đường bộ, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ; quy định của Nghị định số 44/2024/NĐ-CP về quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ và các quy định sau:

1. Việc vận hành các thiết bị chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông, thiết bị phục vụ vận hành hầm đường bộ, thiết bị phục vụ nâng hạ cầu, cầu quay việc phải được thực hiện đồng thời với công tác quản lý, bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường bộ;

2. Việc vận hành bến phà đường bộ, cầu phao đường bộ phục vụ giao thông đường bộ phải thực hiện theo quy trình vận hành, sử dụng của từng bến phà, cầu phao và phải được trang bị các phương tiện, thiết bị bảo đảm an toàn trên sông. Trường hợp mực nước sông dâng cao, lũ, bão, gió vượt quá giới hạn quy định trong quy trình vận hành phải dừng hoạt động để bảo đảm an toàn;

3. Việc vận hành, sử dụng biển báo hiệu điện tử trên đường bộ để thông báo các thông tin thay đổi về tốc độ cho phép tham gia giao thông và các cảnh báo khác cho người tham gia giao thông và tổ chức, cá nhân liên quan biết. Thông tin trên biển báo hiệu điện tử có thể thay đổi khi thay đổi quy định về tốc độ, khi cần điều chỉnh tốc độ và khi có các thông tin thay đổi ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông;

4. Hoạt động của công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ thực hiện theo các quy định sau:

a) Bảo đảm quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình kiểm soát tải trọng xe;

b) Công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ phải hoạt động liên tục 24/24 giờ vào tất cả các ngày trong tuần. Trường hợp phải tạm ngừng hoạt động do sự cố bất khả kháng, thiên tai, hư hỏng, đơn vị quản lý, vận hành công trình kiểm soát tải trọng xe phải có văn bản báo cáo ngay cho cơ quan quản lý đường bộ. Thời gian báo cáo không chậm quá 01 ngày kể từ khi tạm ngừng hoạt động;

c) Dữ liệu kết quả kiểm tra tải trọng xe phải được kết nối, chia sẻ với hệ thống quản lý dữ liệu tải trọng xe của Cơ quan Cảnh sát giao thông;

d) Cơ quan chức năng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính sử dụng kết quả thu được từ công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ để phát hiện, xác định vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định;

đ) Trước ngày 25 hàng tháng, đơn vị quản lý, vận hành công trình kiểm soát tải trọng xe báo cáo cơ quan quản lý đường bộ về kết quả kiểm soát tải trọng xe về : số phương tiện được kiểm tra tải trọng; số phương tiện vi phạm tải trọng; tỷ lệ phần trăm (%) phương tiện vi phạm trên tổng số phương tiện kiểm tra.

5. Đối với các thiết bị khác gắn liền với công trình đường bộ, thiết bị phục vụ quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ thì việc vận hành, khai thác thực hiện theo quy trình vận hành, khai thác của các thiết bị này.

Điều 19. Tuân đường phục vụ quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì đường bộ

Tổ chức, cá nhân được giao thực hiện quản lý, bảo dưỡng tuyến đường bộ đang khai thác, sử dụng có trách nhiệm tổ chức thực hiện tuân đường để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ theo các quy định sau:

1. Kiểm tra, xử lý hư hỏng công trình kết cấu hạ tầng đường bộ bao gồm:

a) Phát hiện kịp thời các hư hỏng, dấu hiệu hư hỏng công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình và thông cáo cho nhà thầu bảo dưỡng công trình đường bộ;

b) Đối với các hư hỏng ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình, nhân viên tuân đường có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khắc phục kịp thời. Trường hợp vượt quá khả năng tự thực hiện thì thực hiện biện pháp cảnh báo tạm thời (sử dụng báo hiệu nguy hiểm bằng cờ, đèn, còi cảnh báo hoặc ra hiệu

bằng tay, khẩu lệnh, đặt các chướng ngại vật dễ nhận biết cảnh báo từ xa hoặc các biện pháp cần thiết khác), thông báo ngay cho nhà thầu bảo dưỡng công trình đường bộ;

c) Đối với các công trình, bộ phận hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình đã xuống cấp chưa được thay thế và đang tiếp tục khai thác sử dụng, nhân viên tuần đường có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình trạng làm việc của công trình, bộ phận, hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình; theo dõi tình hình khai thác, sử dụng, ghi vào nhật ký tuần đường và thông báo cho nhà thầu bảo dưỡng công trình đường bộ; khi hư hỏng gây mất an toàn công trình và an toàn giao thông thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này;

d) Theo dõi mức nước tại các công trình ngầm, tràn trên đường bộ, cột thủy trí khi có mưa, lũ, nước dâng; cảnh báo tạm thời cho người tham gia giao thông khi ngầm, tràn không đảm bảo an toàn khai thác do mực nước, vận tốc nước lớn hơn quy định hoặc công trình bị hư hỏng; báo cáo nhà thầu bảo dưỡng công trình đường bộ.

đ) Khi xảy ra sự cố công trình hoặc công trình có dấu hiệu nguy hiểm không bảo đảm an toàn cho khai thác sử dụng, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ tuần đường có trách nhiệm: thông báo kịp thời cho người quản lý sử dụng công trình, cơ quan quản lý đường bộ, chính quyền địa phương nơi gần nhất, đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ để cảnh báo cho người tham gia giao thông; Thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn cho người, tài sản và phương tiện tham gia giao thông.

2. Thực hiện công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, bao gồm:

a) Phát hiện, ngăn chặn kịp thời tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm về quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đấu nối trái phép vào đường bộ, xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo, biển thông tin cố động, tuyên truyền chính trị, xây dựng công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trái quy định;

b) Lập biên bản xác nhận các hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

c) Tổng hợp kết quả xử lý, khắc phục vi phạm, công tác cưỡng chế của chính quyền địa phương, báo cáo kịp thời đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ về các nội dung quy định tại điểm a, điểm b và điểm c Khoản này và đề xuất xử lý.

3. Thực hiện công tác bảo đảm an toàn giao thông, bao gồm:

a) Thông báo ngay khi có vụ tai nạn cho các tổ chức, cá nhân sau: lực lượng công an nơi gần nhất; cứu nạn y tế, cứu hộ giao thông (nếu cần); đại diện người quản lý, sử dụng công trình đường bộ và đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình, cơ quan quản lý đường bộ;

b) Tham gia xử lý khi có ùn tắc giao thông, cứu hộ, cứu nạn tai nạn giao thông; hướng dẫn tạm thời giao thông trong trường hợp cần thiết khi chưa có cảnh sát giao thông, cơ quan quản lý đường bộ; tham gia bảo vệ hiện trường tai nạn khi chưa có lực lượng chức năng;

c) Đối với trường hợp vụ tai nạn làm gãy, hỏng hộ lan, lan can cầu, cột tiêu, biển báo, làm hư hỏng cầu và các trường hợp gây thiệt hại công trình, nhân viên tuần đường bảo vệ hiện trường, thống kê các thiệt hại và yêu cầu người điều khiển phương tiện ở lại hiện trường; thông báo cho đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ; phối hợp với chính quyền địa phương hoặc lực lượng công an lập biên bản xác nhận thiệt hại làm căn cứ yêu cầu thực hiện bồi thường. Trường hợp tai nạn làm hư hỏng các kết cấu chịu lực của công trình đường bộ (cầu, hầm hoặc công trình khác) hoặc công trình hư hỏng nặng có dấu hiệu ảnh hưởng đến khả năng khai thác của công trình phải báo cáo người quản lý, sử dụng công trình đường bộ đến lập biên bản xác nhận thiệt hại làm căn cứ yêu cầu thực hiện bồi thường;

d) Hàng tháng, thống kê các vụ tai nạn và mức độ thiệt hại của từng vụ để lập báo cáo đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ;

đ) Phát hiện các tồn tại trong tổ chức giao thông, điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông để báo cáo đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ.

4. Người được giao thực hiện tuần đường trách nhiệm ghi nhật ký tuần đường. Trường hợp tham gia giải quyết tai nạn giao thông, sự cố công trình và các trường hợp khác không thể ghi nhật ký trong ngày thì ghi vào ca tuần đường tiếp theo. Nhật ký tuần đường phải phản ánh đầy đủ mọi tình trạng, sự cố xảy ra đối với đoạn đường, cầu và công trình, hành lang an toàn đường bộ trên tuyến đường và được ghi theo quy định tại *Mục I Phụ lục VIII* ban hành kèm theo Thông tư này; được tổ chức, cá nhân được giao quản lý, bảo dưỡng tuyến đường lưu trữ và phải được bàn giao cho người quản lý, sử dụng đường bộ khi hết nhiệm vụ quản lý, bảo dưỡng thường xuyên tuyến đường.

Điều 20. Chiều dài và số lượt tuần đường, tuần kiểm đường bộ

1. Chiều dài và số lượt tuần đường theo thời gian phụ thuộc vào quy mô, cấp kỹ thuật của đường bộ, lưu lượng phương tiện tham gia giao thông trên tuyến đường, tình hình trật tự, an toàn giao thông đường bộ, chất lượng kết cấu hạ tầng đường bộ, thời tiết các mùa trong năm và phải được quy định trong hợp đồng thuê nhà thầu bảo dưỡng công trình đường bộ thực hiện. Chiều dài tuần đường không dài hơn và số lượt tuần đường không ít hơn quy định tại *Mục II Phụ lục VIII* ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Các trường hợp không thực hiện tuần đường để bảo đảm an toàn cho nhân viên tuần đường, hoặc nhân viên tuần đường thực hiện các nhiệm vụ cấp bách khác, bao gồm:

a) Vị trí, hạng mục công trình xảy ra sự cố nghiêm trọng, gây hư hỏng, tắc đường và các trường hợp khác mà nhân viên tuần đường không thể di chuyển an toàn đến để thực hiện nhiệm vụ của người tuần đường;

b) Trong thời gian tuần đường mà nhân viên tuần đường đang tham gia cứu hộ, cứu nạn tai nạn giao thông, tham gia tìm kiếm cứu nạn khi có thiên tai, tham gia giải quyết, khắc phục sự cố công trình, sự cố cháy, nổ và các trường hợp bất khả kháng khác.

3. Người quản lý, sử dụng đường bộ có trách nhiệm tổ chức thực hiện tuần kiểm đường bộ để thực hiện các công việc sau:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý, bảo vệ, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ của tổ chức, cá nhân được giao bảo dưỡng công trình đường bộ và việc thực hiện công tác tuần đường;

b) Tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân chấp hành quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; lập biên bản vi phạm việc quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; yêu cầu tổ chức, cá nhân dừng hành vi vi phạm, khắc phục hậu quả và khôi phục vị trí ban đầu;

c) Khi nhận được thông tin tai nạn giao thông, phải thông báo lực lượng công an, chính quyền địa phương nơi gần nhất và người tham gia giao thông; báo cáo cơ quan quản lý đường bộ, tổ chức, cá nhân khác có liên quan về tai nạn giao thông; tham gia xử lý khi có ùn tắc giao thông, cứu hộ, cứu nạn tai nạn giao thông; hướng dẫn tạm thời giao thông trong trường hợp cần thiết khi chưa có cảnh sát giao thông, cơ quan quản lý đường bộ; tham gia bảo vệ hiện trường tai nạn khi chưa có lực lượng chức năng.

b) Tiếp nhận, theo dõi, xử lý các kiến nghị của tổ chức, cá nhân bảo dưỡng thường xuyên, người tuần đường và kiến nghị của tổ chức, cá nhân khác đối với các vi phạm về quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; tổ chức giao thông và trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

4. Nội dung ghi nhật ký tuần kiểm, số lượt thực hiện tuần kiểm theo quy định tại *Mục III Phụ lục VIII* ban hành kèm theo Thông tư này; *trang thiết bị phục vụ tuần kiểm theo quy định tại Mục IV Phụ lục VIII* ban hành kèm theo Thông tư này.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21 . Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng ... năm 2025.
2. Các thông tư sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

b) Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

c) Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT ngày 23 tháng 1 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tuần đường, tuần kiểm để bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

d) Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện và việc áp dụng hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

đ) Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn;

e) Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn;

g) Thông tư số 26/2012/TT-BGTVT ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về việc xác định và xử lý vị trí nguy hiểm trên đường bộ đang khai thác;

h) Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc;

i) Thông tư số 45/2018/TT-BGTVT ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

k) Thông tư số 48/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

3. Trừ trường hợp quy định tại Điều 8 Thông tư này, trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành các công trình đường bộ đã đưa vào khai thác nhưng chưa có quy trình bảo trì phải hoàn thành việc lập, phê duyệt quy trình bảo trì công trình.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường cao tốc Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Giám đốc Sở Giao thông vận tải, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 22;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban và Ban thuộc Quốc hội;
- Kiểm toán nhà nước;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Lưu VT, KCHTGT ()

BỘ TRƯỞNG**Nguyễn Văn Thắng**